

UBND THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN

**Nâng cao năng lực sử dụng “*Tiếng Anh lớp học*”
ở bậc tiểu học.**

Bộ môn: Tiếng Anh

Năm học 2021 - 2022

THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN

1. Tên sáng kiến: Nâng cao năng lực sử dụng “*Tiếng Anh lớp học*” ở bậc tiểu học.

2. Bộ môn (lĩnh vực) áp dụng sáng kiến: Tiếng Anh.

3. Tác giả:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Yên. Nữ.

Ngày/ tháng/năm sinh: 29 /12 / 1984.

Trình độ chuyên môn: Đại học sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh.

Chức vụ, đơn vị công tác: Giáo viên trường Tiểu học Tiên Tiến.

Điện thoại: 0382300501.

4. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến:

Trường Tiểu học Tiên Tiến, xã Tiên Tiến Tiên, thành phố Hải Dương.

Điện thoại : 02203 542600.

5. Đơn vị áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có): Trường Tiểu học Tiên Tiến, xã Tiên Tiến Tiên, thành phố Hải Dương.

6. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến: Áp dụng trong mọi điều kiện thực tế dạy và học của giáo viên tiếng Anh và học sinh ở bậc tiểu học.

7. Thời gian áp dụng sáng kiến lần đầu: Năm học 2020-2021.

TÁC GIẢ
(ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thu Yên

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ
ÁP DỤNG SÁNG KIẾN

Trường Tiểu học Tiên Tiến xác nhận SK đã được rà soát và chịu trách nhiệm về việc rà soát của đơn vị

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
1	MÔ TẢ SÁNG KIẾN	1
	1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến	1
	2. Cơ sở lý luận của vấn đề	2
	3. Thực trạng của vấn đề	3
	4. Các biện pháp thực hiện	10
	4.1. Giáo viên chủ động bồi dưỡng kiến thức nhất định về “ <i>Tiếng Anh lớp học</i> ”	10
	4.2. Giáo viên nắm vững phương pháp, kỹ năng sử dụng “ <i>Tiếng Anh lớp học</i> ”	11
	4.3. Sử dụng tiếng Việt trong dạy tiếng Anh một cách phù hợp	15
	4.4. Giáo viên cần kiên định, kiên trì và kiên nhẫn	17
	4.5. Giáo viên cần khuyến khích, thể hiện sự trợ giúp, tạo điều kiện và có những phản hồi tích cực, khen ngợi kịp thời, chấp nhận sai lầm của học sinh một cách ân cần	18
	4.6. Giáo viên phải hướng dẫn cho học sinh cách học “ <i>Tiếng Anh lớp học</i> ”	18
	5. Kết quả đạt được	20
	6. Điều kiện để sáng kiến được nhân rộng	21
2	KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	22
3	TÀI LIỆU THAM KHẢO	24
4	PHỤ LỤC	25

BÁO CÁO SÁNG KIẾN

Tên Sáng kiến: Nâng cao năng lực sử dụng “*Tiếng Anh lớp học*” ở bậc tiểu học.

Chuyên môn đào tạo của tác giả (t/g): Đại học sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh.

Chuyên môn t/g được phân công năm học: Dạy tiếng Anh khối 5.

1. Thời gian, đối tượng, điều kiện

- **Bắt đầu triển khai nghiên cứu:** tháng 9 năm 2020.

- **Khảo sát (KS) đầu vào** (tuần theo PPCT): Tuần 1

+ Đối tượng KS: Học sinh lớp 5 + Số lượng KS: 70

+ Nội dung/vấn đề khảo sát: Các ngữ Tiếng Anh học sinh thường nghe, nói trong các tiết học tiếng Anh thường ngày trên lớp.

- **Khảo sát đầu ra** (tuần theo PPCT): Tuần 18

+ Đối tượng KS: Học sinh lớp 5 + Số lượng KS: 70

+ Nội dung/vấn đề khảo sát: Các ngữ Tiếng Anh học sinh thường nghe, nói trong các tiết học tiếng Anh thường ngày trên lớp.

- Thời gian áp dụng sáng kiến lần đầu: Từ HKI, năm học 2020-2021.

- **Đối tượng/lĩnh vực áp dụng:** Giáo viên tiếng Anh và học sinh bậc tiểu học.

- **Điều kiện cần thiết để áp dụng:** Giáo viên giao tiếp cơ bản được bằng tiếng Anh. Học sinh có năng lực ngôn ngữ bình thường.

2. Lí do nghiên cứu

Học sinh chưa tự tin giao tiếp bằng tiếng Anh. Nhận định “*Tiếng Anh lớp học*” có vai trò quan trọng trong việc tạo môi trường ngôn ngữ cho học sinh giao tiếp bằng ngôn ngữ đích.

3. Các tồn tại trước khi có SK, nguyên nhân

3.1. Tồn tại

Nhiều giáo viên chúng ta vẫn dạy tiếng Anh bằng tiếng Việt. Kết quả nhìn thấy được: học sinh còn nhút nhát, thiếu tự tin trong giao tiếp bằng tiếng Anh. Các em nói tiếng Anh như một bài tập được giao, thiếu vận dụng thực tế. Phát âm chưa chuẩn, mang nặng tính địa phương.

3.2. Nguyên nhân

- Giáo viên chưa có kiến thức nhất định về “*Tiếng Anh lớp học*”, thiếu phương pháp và kĩ năng sử dụng “*Tiếng Anh lớp học*”.

- Từ hạn chế của giáo viên dẫn đến hạn chế của học sinh.

4. Các biện pháp đề ra

4.1. Các biện pháp

- Giáo viên tự cung cấp kiến thức nhất định về “Tiếng Anh lớp học”
- Giáo viên nắm vững phương pháp, kỹ năng hướng dẫn học sinh khi sử dụng “*Tiếng Anh lớp học*”
- Sử dụng tiếng Việt trong dạy tiếng Anh một cách phù hợp
- Giáo viên cần kiên định, kiên trì và kiên nhẫn
- Giáo viên cần khuyến khích, thể hiện sự trợ giúp, tạo điều kiện và có những phản hồi tích cực, khen ngợi kịp thời, chấp nhận sai lầm của học sinh một cách ân cần
- Giáo viên phải hướng dẫn cho học sinh cách học

4.2. Điểm mới

- Cung cấp cho thầy cô những lí do khoa học, tin cậy để khẳng định dùng “*tiếng Anh dạy tiếng Anh*” là đúng đường hướng giao tiếp ở bậc tiểu học.
- Giới thiệu địa chỉ khóa học giúp thầy cô nắm chắc “*Tiếng Anh lớp học*”
- Đưa ra các biện pháp cụ thể giúp thầy cô sử dụng “*Tiếng Anh lớp học*” hiệu quả.
- Chỉ ra khi nào cần dùng tiếng Việt trong dạy và học tiếng Anh ở bậc tiểu học.

5. Hiệu quả mang lại

- Số lượng các ngữ “*Tiếng Anh lớp học*” giáo viên tiếng Anh sử dụng trong một tiết học tiếng Anh chiếm 90% tổng số các ngữ giao tiếp thầy cô phát ra.
- Số lượng các ngữ “*Tiếng Anh lớp học*” học sinh thu vào và vận dụng để tự tương tác với thầy cô và bạn chiếm 85% tổng số các ngữ giao tiếp giữa các em với thầy cô và bạn trong cả tiết học.

6. Khuyến nghị

- Tổ chức các khóa bồi dưỡng kiến thức, phương pháp, kỹ năng sử dụng “*Tiếng Anh lớp học*” cho giáo viên tiếng Anh tiểu học.
- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế cho giáo viên và học sinh có môi trường thực hành “*Tiếng Anh lớp học*”.

TÓM TẮT SÁNG KIẾN

1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến

Học sinh tiểu học nói chung trong đó có học sinh Hải Dương còn hạn chế khi sử dụng tiếng Anh “giao tiếp”. Các em còn thiếu kiến thức, kỹ năng, phản xạ khi giao tiếp bằng tiếng Anh mặc dù các em làm bài viết rất tốt. Một trong những nguyên nhân chính đó là: các em thiếu môi trường giao tiếp tiếng Anh trong thực tế. Nhận thấy “Tiếng Anh lớp học” có vai trò quan trọng trong việc tạo ra môi trường đó, tôi đã nghiên cứu và tìm ra một số biện pháp nâng cao năng lực sử dụng “Tiếng Anh lớp học” cho cả giáo viên và học sinh.

2. Điều kiện, thời gian, đối tượng áp dụng sáng kiến

2.1. Điều kiện: Môn tiếng Anh được tổ chức giảng dạy trong trường tiểu học.

2.2. Thời gian: Trong năm học 2020-2021

2.3. Đối tượng: Giáo viên tiếng Anh và học sinh lớp 5.

3. Nội dung sáng kiến:

+ Tính mới, tính sáng tạo của sáng kiến: Cung cấp địa chỉ học bồi dưỡng chuyên sâu về “*Tiếng Anh lớp học*”, có biện pháp cụ thể về phương pháp, kỹ năng sử dụng “*Tiếng Anh lớp học*”, chỉ ra khi cần thiết dùng tiếng Việt trong dạy tiếng Anh.

+ Khả năng áp dụng của SK : Áp dụng trong mọi không gian, thời gian của lớp học tiếng Anh.

+ Chỉ ra lợi ích thiết thực của SK : Đưa ra những biện pháp cụ thể, hiệu quả, dễ thực hiện ,giúp thay đổi cơ bản môi trường học tiếng Anh cho học sinh tiểu học.

4. Khẳng định giá trị, kết quả đạt được của sáng kiến

Giúp giáo viên tiếng Anh tiểu học có quan điểm đúng đắn, cách thức hiệu quả trong việc sử dụng “ *Tiếng Anh lớp học*”,

Tạo môi trường học tiếng Anh chuyên nghiệp cho học sinh tiểu học.

5. Đề xuất kiến nghị để thực hiện áp dụng hoặc mở rộng sáng kiến.

5.1. Đối với các cấp quản lí

- Cần tạo điều kiện và quan tâm hơn nữa trong việc bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên tiếng Anh tiểu học.

- Nhà trường tạo điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện dạy học đặc thù của môn tiếng Anh.

5.2. Đối với giáo viên

- Mỗi giáo viên cần tự học, tự bồi dưỡng qua địa chỉ khóa học đã được cung cấp.

- Nghiên cứu, vận dụng các biện pháp đã nêu ra trong sáng kiến.

- Kiên trì áp dụng sáng kiến vì kết quả chỉ nhìn thấy sau một thời gian dài rèn luyện.

MÔ TẢ SÁNG KIẾN

1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến

Tiếng Anh ngày càng trở thành ngôn ngữ phổ biến nhất trong các ngôn ngữ được dùng để giao tiếp giữa các quốc gia. Ở Việt Nam, tiếng Anh đã được dạy từ bậc tiểu học trong nhiều năm. Các thầy cô cũng đã có sự thay đổi lớn trong phương pháp giảng dạy tiếng Anh tiểu học cùng với kinh nghiệm rút ra từ quá trình dạy trực tiếp. Nhiều khóa học chuyên sâu, tập huấn được thực hiện. Đặc biệt, Chính phủ đã cho thực hiện Đề án ngoại ngữ quốc gia 2008-2020 (1400/QĐ-TTg,2008). Tuy nhiên, sau mười năm thực hiện, kết quả vẫn chưa đạt được như mong muốn. Đi sâu tìm nguyên nhân, một trong những hạn chế đang tồn tại trong giảng dạy tiếng Anh tiểu học tại Việt Nam nói chung, và ở thành phố Hải Dương nói riêng đó là: nhiều giáo viên chúng ta vẫn dạy tiếng Anh bằng tiếng Việt. Kết quả nhìn thấy được: học sinh còn nhút nhát, thiếu tự tin trong giao tiếp bằng tiếng Anh. Các em nói tiếng Anh như một bài tập được giao, thiếu vận dụng thực tế, phát âm chưa chuẩn, mang nặng tính địa phương.

Khẳng định đó là hạn chế vì khi học sinh học với giáo viên bản ngữ tại các trung tâm và cả trong nhà trường, phản xạ giao tiếp, phát âm, ngữ điệu, sự tự nhiên, tự tin của các em đã có sự khác biệt rõ rệt : các em phát âm theo hướng chuẩn, phản xạ nhanh, phong thái tự tin, tự nhiên đúng với giao tiếp hàng ngày. Có thể phương pháp dạy còn không tốt bằng giáo viên Việt Nam nhưng họ có một ưu điểm khác quan trọng, mang tính quyết định. Đó là : họ dùng **tiếng Anh để dạy tiếng Anh**. Có thể hiểu, việc họ dùng tiếng Anh để tương tác với học sinh chính là tạo ra môi trường giao tiếp tiếng Anh thực tế trong lớp học. Vậy tại sao chính giáo viên Việt Nam không tự tạo môi trường nói tiếng Anh ngay trong tiết dạy của mình ?

Như vậy có thể thấy việc sử dụng “ **Tiếng Anh lớp học**” (Classroom English) hay “ **Dạy tiếng Anh qua tiếng Anh**” (Teaching English through English) được cho là có vai trò quyết định đối với chất lượng dạy và học tiếng Anh theo mục tiêu giao tiếp hiện nay. Trong hoàn cảnh đó, giáo viên tiếng

Anh và cả học sinh tiểu học cần phải có những biện pháp để nâng cao năng lực sử dụng “*Tiếng Anh lớp học*”.

Trong sáng kiến này, tôi xin nêu ra những hạn chế trong việc sử dụng “*Tiếng Anh lớp học*” của giáo viên Việt Nam nhiều nơi nói chung, giáo viên tiếng Anh tiểu học tại Thành Phố Hải Dương nói riêng thông qua nghiên cứu từ thực tế. Từ đó, tôi đưa ra các biện pháp giúp giáo viên tiếng Anh tiểu học sử dụng tốt “*Tiếng Anh lớp học*”, nhằm tạo môi trường giao tiếp tiếng Anh thực tế cho học sinh.

2. Cơ sở lý luận

“*Tiếng Anh lớp học*” là một dạng “*Ngôn ngữ lớp học*”.

Theo G. Hughes (1981) (tr. 4) [4] và cộng sự, tiếng Anh lớp học bao gồm những thuật ngữ , cấu trúc,.. tiếng Anh cần thiết để một giáo viên có thể dùng trong một buổi lên lớp. Đó là các yêu cầu, câu hỏi, mệnh lệnh, lời xin phép, đề nghị, động viên, đánh giá,...được giáo viên và học sinh sử dụng trong các giờ học tiếng Anh hàng ngày.

Dựa trên đặc điểm tiếp thu ngôn ngữ của trẻ em: Nghe-Nói- Đọc-Viết , học sinh cần nghe nhiều, nói nhiều tiếng Anh trước khi thực hiện các mục tiêu khác của việc học tiếng Anh.

Môi trường ngôn ngữ có vai trò quyết định đối với việc học nói ngôn ngữ đó. Ví dụ: *Trẻ em gốc Việt sinh ra và lớn lên ở Mỹ. Các em có thể nói tiếng Anh lưu loát như người bản xứ ngay từ khi chưa đến trường học. Hai nguyên nhân chính : Một: các em tiếp xúc thường xuyên với tiếng Anh thông qua nghe, nói. Hai : Các em được thực hành thường xuyên trong môi trường thực tế.*

Sử dụng “*Tiếng Anh lớp học*” chính là một hình thức “*tắm ngôn ngữ*” phù hợp nhất với trẻ em khi mà não bộ đang phát triển và việc thu nạp kiến thức rất mạnh. Việc sử dụng tiếng Anh cho các hoạt động hàng ngày trong lớp học chính là tạo nhiều cơ hội hơn cho học sinh phản hồi bằng tiếng Anh.

Theo các chuyên gia (A. Doff, 1988; G. Hughes, (1981); J.Willis, (1983) [4,7], có nhiều lý do để giáo viên sử dụng tiếng Anh thường xuyên

trong lớp học :

- Thứ nhất, khác với các bài luyện tập (*practise, drill*), sử dụng tiếng Anh để tổ chức các hoạt động giảng dạy, chuyện trò giữa thầy và trò là những hoạt động giao tiếp tự nhiên, có mục đích giao tiếp thật, giúp học sinh thấy quen thuộc, tự tin khi bước ra ngoài trường học.

- Thứ hai, học trong môi trường “*tắm tiếng Anh*” giúp người học gia tăng sự ghi nhớ một cách tự nhiên, tránh được những hiện tượng chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ.

J. Willis (1983) (tr. 13) [7] tóm tắt : “*Dạy tiếng Anh qua tiếng Anh có nghĩa là nói và sử dụng tiếng Anh trong lớp càng thường xuyên càng tốt, ví dụ như khi tổ chức các hoạt động giảng dạy hay trò chuyện với người học. Nói cách khác, điều này có nghĩa là để tiếng Anh trở thành phương tiện giao tiếp chính giữa thầy và trò. Người học cần phải hiểu được rằng chẳng có gì quan trọng nếu họ có mắc lỗi hay chưa hiểu được hết tất cả khi giao tiếp*”.

Và cuối cùng, Halliwell (1992, trang 15) [2] ; Scott. W.A và Ytreberg, L.H (1993, trang 17) [5] ; Slattery và Willis (2001, trang 11,12) [6] chỉ ra rằng: *Sử dụng tiếng Anh trong lớp đóng vai trò quan trọng ở các lớp tiểu học vì trẻ em cần được nghe nhiều tiếng Anh càng sớm càng tốt, càng được nghe nhiều bao nhiêu, trẻ càng học được nhiều bấy nhiêu. Học tiếng Anh bằng tiếng Anh chính là một phương pháp dạy và học tiếng Anh hiệu quả cao khi dạy tiếng Anh theo mục tiêu giao tiếp cho trẻ em.*

3. Thực trạng việc sử dụng “*Tiếng Anh lớp học*” trong nhà trường tiểu học

3.1. Thực trạng

Thực tế, nhiều giáo viên đang đi ngược quy luật học ngôn ngữ của trẻ em: Giáo viên cho học sinh nghe, nói sau và ít nhưng đọc, viết trước nhiều hơn. Nhiều thầy cô cũng hạn chế về khả năng, kỹ năng, ý thức trong việc dùng “*Tiếng Anh lớp học*”, đặt nặng vấn đề “*dịch nghĩa và định nghĩa*”. Học sinh tiểu học lúc đầu cảm thấy khó hiểu khi giáo viên sử dụng 100% tiếng Anh nên phần đông giáo viên thường dùng tiếng Việt để dạy tiếng Anh cho học sinh

cho nhanh.

Ví dụ : *Giáo viên dạy từ “pen” theo cách: Giới thiệu “Bút mực trong tiếng Anh là “pen” . Hoặc viết luôn lên bảng : Pen: bút mực.*

Nghiên cứu về vấn đề này, nhà nghiên cứu John Harbord cho rằng, việc phụ thuộc quá nhiều vào tiếng mẹ đẻ sẽ làm mất lòng tin vào khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.

Rất nhiều học sinh đang học “ *Tiếng Anh câm*”. Tức là, mọi suy luận ngôn ngữ đều diễn ra trong đầu một cách thâm lặng. Các em ít nghe tiếng Anh, nói tiếng Anh, chỉ mãi mê điền đáp án cho các câu hỏi trong sách với một niềm tin lớn rằng điểm cao tiếng Anh thông qua các bài thi giấy cũng có nghĩa là mình giỏi tiếng Anh. Nhưng tiếng Anh tiểu học là tiếng Anh giao tiếp. Trong đó, phản xạ nghe, nói , khả năng sử dụng tốt các cấu trúc giao tiếp trong tình huống thực tế mới đóng vai trò quyết định.

Rời khỏi trường học, học sinh không có môi trường để giao tiếp tiếng Anh. Nhiều gia đình phải tìm đến các trung tâm ngoại ngữ để con mình được “*nói tiếng Anh với Tây*”.

Để nắm được thực trạng sử dụng tiếng Anh lớp học ở trường và thành phố mình, tôi đã thực hiện một quá trình điều tra bằng phương pháp quan sát, phỏng vấn và phiếu khảo sát.

3.1.1 Điều tra bằng phương pháp quan sát

Tôi đã dự giờ tiếng Anh của các giáo viên tiếng Anh trong một số trường, một số buổi tập huấn. Qua quan sát lời nói, hành động của học sinh và giáo viên, tôi nhận thấy :

- Giáo viên ít khi sử dụng tiếng Anh để tương tác với học sinh trong lớp.
- Vốn từ tiếng Anh để tương tác còn hạn chế, lặp đi lặp lại một vài lệnh quen thuộc từ tiết này sang tiết khác như : *Look, listen and repeat, Thank you, Are you ready ? Good....vv..*
- Phát âm chưa chuẩn, bỏ âm tiết, ngữ điệu mang nặng tính địa phương.
- Có thầy cô dùng tiếng Anh chưa phù hợp để giải thích, hướng dẫn

một hoạt động dẫn đến học sinh không hiểu.

- Có thầy cô nói quá nhanh và đòi hỏi học sinh hiểu ngay. Khi không thấy học sinh phản ứng gì, cô vội vàng dịch luôn sang tiếng Việt.

- Có thầy cô nói tiếng Anh từ đầu đến cuối tiết học nhưng tương tác với học sinh chưa nhiều.

- Có thầy cô vừa nói tiếng Anh, vừa dịch sang tiếng Việt.

- Có thầy cô nói tiếng Anh và tiếng Việt xen lẫn trong cùng một câu.

Quan sát học sinh, tôi thấy khi giáo viên không dùng tiếng Anh để tương tác, các em cũng không dùng đến tiếng Anh để phản biện gì với cô. Các em chỉ nghe, nói, đọc, viết những ngữ tiếng Anh có trong sách giáo khoa của tiết hôm đó, không có liên hệ thực tế.

Ví dụ : *Khi học Unit 2: Where are you from ? Tiếng Anh lớp 4.*

Học sinh chỉ biết nói mình đến từ nước Việt Nam và một số nước được giới thiệu trong sách giáo khoa trong mọi tình huống. Nhưng trong thực tế, nếu cùng nước Việt Nam rồi, các em phải nói mình đến từ tỉnh nào, nếu cùng trường rồi các em phải nói với nhau mình đến từ lớp nào,....Những điều này, cô phải làm mẫu và cho học sinh tương tác với nhau ngay trong tiết học.

- Cũng có thầy cô tích cực dùng tiếng Anh để tương tác với học sinh, nên khi tôi đóng vai cô giáo hỏi học sinh lớp đó bằng tiếng Việt, các em đều tự nói luôn bằng tiếng Anh. Ví dụ : Tôi nói : “*Cô chào cả lớp nhé*”. Các em đáp lại : “*Hello, teacher. Nice to meet you*”.

- Đối với học sinh mà giáo viên không thường xuyên dùng tiếng Anh để dạy trong lớp, khi tôi đóng vai cô giáo, đưa ra một mệnh lệnh bằng tiếng Anh, các em tỏ ra lúng túng.

3.1.2. Điều tra bằng phương pháp phỏng vấn

Tôi đã gặp một số thầy cô và hỏi : “*Theo thầy cô, có nên dùng tiếng Anh để dạy tiếng Anh không ? Thầy cô có biết khóa học chuyên sâu nào hướng dẫn “Dạy tiếng Anh bằng tiếng Anh” không ?* Câu trả lời như sau :

- Nội dung bài học sách giáo khoa không xuất hiện các ngôn ngữ đó.

- Không có bài nào yêu cầu dạy riêng học về “**Tiếng Anh lớp học**”

trong chương trình.

Tôi gặp hai đối tượng học sinh và hỏi đáp bằng tiếng Anh :

- Học sinh có đi học tại trung tâm ngoại ngữ với giáo viên nước ngoài : các em nói tự tin, phát âm chuẩn, tự nhiên, dùng nhiều ngôn ngữ nói thực tế hàng ngày mà sách giáo khoa không có.

Ví dụ : *Tôi hỏi : “How are you ?” Có bạn nói : “Oh. Not very well.” . Có bạn nói “ I’m good. Thanks.” Có bạn nói “ I’m so tired today” . Vì thực tế, thầy cô nước ngoài trả lời các em thế khi các em hỏi thầy cô hàng ngày.*

- Học sinh chỉ học giáo viên Việt Nam trên lớp và ít dùng tiếng Anh để dạy: rất thuộc từ vựng, ngữ pháp chuẩn, viết được nhiều từ nhưng chỉ có trong sách giáo khoa. Các em không dùng đến ngôn ngữ nói thực tế hàng ngày.


Ví dụ : *Hỏi : “How are you today?” và câu trả lời huyên thoi trong mọi tình huống của tất cả các em là : I’m fine. Thank you. And you?*

3.1.3. Điều tra bằng phiếu khảo sát

Tôi chuẩn bị các phiếu sau và phát cho học sinh một lớp 5 trong trường. Phiếu gồm 30 câu là các ngữ “**Tiếng Anh lớp học**” mà giáo viên và học sinh thường dùng để tương tác trong các giờ học tiếng Anh thường ngày.

PHIẾU KHẢO SÁT 1

Ngày :Lớp 5:..... Trường Tiểu học :

Đánh dấu  vào ô các câu em đã nghe thấy cô nói trong giờ học tiếng Anh.

1. Good morning every one.

16. Are you ready ?

2. Nice to see you again.

17. Raise your hand, please.

3. How are you today ?

18. Yes or No ?

4. Let’s review.

19. Are you clear ?

5. Let’s play a game.

20. Remember, please.

6. Open your book on page.. <input type="checkbox"/>	21. Take note, please. <input type="checkbox"/>
7. What can you see ? <input type="checkbox"/>	22. Another ? <input type="checkbox"/>
8. Listen and repeat. <input type="checkbox"/>	23. The whole class, please. <input type="checkbox"/>
9. Put your hand down . <input type="checkbox"/>	24. Be quiet, please. <input type="checkbox"/>
10. Louder, please. <input type="checkbox"/>	25. Stop talking, please. <input type="checkbox"/>
11. You, please. <input type="checkbox"/>	26. Be careful. <input type="checkbox"/>
12. Work in pairs, please. <input type="checkbox"/>	27. Next one, please. <input type="checkbox"/>
13. Then, take turn. <input type="checkbox"/>	28. Thanks a lot. <input type="checkbox"/>
14. Yes, that's right. <input type="checkbox"/>	29. Well done. <input type="checkbox"/>
15. Who knows the answer ? <input type="checkbox"/>	30. Good bye. See you again. <input type="checkbox"/>

PHIẾU KHẢO SÁT 2


Ngày :Lớp 5:..... Trường Tiểu học :


Đánh dấu **X** vào các ô các câu em từng nói trong giờ học tiếng Anh.

1. Good morning every one. <input type="checkbox"/>	16. Are you ready ? <input type="checkbox"/>
2. Nice to see you again. <input type="checkbox"/>	17. Raise your hand, please. <input type="checkbox"/>
3. How are you today ? <input type="checkbox"/>	18. Yes or No ? <input type="checkbox"/>
4. Let's review. <input type="checkbox"/>	19. Are you clear ? <input type="checkbox"/>
5. Let's play a game. <input type="checkbox"/>	20. Remember, please. <input type="checkbox"/>

6. Open your book on page.. <input type="checkbox"/>	21. Take note, please. <input type="checkbox"/>
7. What can you see ? <input type="checkbox"/>	22. Another ? <input type="checkbox"/>
8. Listen and repeat. <input type="checkbox"/>	23. The whole class, please. <input type="checkbox"/>
9. Put your hand down . <input type="checkbox"/>	24. Be quiet, please. <input type="checkbox"/>
10. Louder, please. <input type="checkbox"/>	25. Stop talking, please. <input type="checkbox"/>
11. You, please. <input type="checkbox"/>	26. Be careful. <input type="checkbox"/>
12. Work in pairs, please. <input type="checkbox"/>	27. Next one, please. <input type="checkbox"/>
13. Then, take turn. <input type="checkbox"/>	28. Thanks a lot. <input type="checkbox"/>
14. Yes, that's right. <input type="checkbox"/>	29. Well done. <input type="checkbox"/>
15. Who knows the answer ? <input type="checkbox"/>	30. Good bye. See you again. <input type="checkbox"/>

Sau khi phát phiếu, tôi trực tiếp đọc từng câu. Các em nghe đến câu nào đánh dấu câu đó theo yêu cầu. Sau khi tổng hợp, tôi có kết quả như sau :

- Số dấu  chiếm 50 % tổng số câu đưa ra.

- Số dấu  chiếm 30% tổng số câu đưa ra.

Tuy chưa thể phản ánh chính xác tuyệt đối thực trạng trên ở tất cả các trường trong thành phố Hải Dương nói riêng và nhiều nơi khác nói chung, nhưng đã phần nào thể hiện hạn chế của việc sử dụng “*Tiếng Anh lớp học*” trong giảng dạy tiếng Anh tiểu học hiện nay.

3.2. Nguyên nhân

Tại sao năng lực sử dụng “*Tiếng Anh lớp học*” của giáo viên ở bậc tiểu học nói riêng còn hạn chế. Qua thực tế dự giờ, tham dự các lớp tập huấn, tôi

thấy một số nguyên nhân sau :

3.2.1. Về giáo viên

- Giáo viên chưa nhận thức rõ vai trò của việc sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giao tiếp chính trong giờ học tiếng Anh. Nhiều thầy cô chỉ quan tâm làm sao học sinh thuộc từ vựng, ngữ pháp trong sách giáo khoa. Khi thấy học sinh đọc được và hoàn thành tốt các bài tập trong sách giáo khoa, thầy cô nghĩ mình đã hoàn thành mục tiêu bài học.

- Giáo viên có dùng “**Tiếng Anh lớp học**” nhưng có phương pháp, kỹ năng sử dụng hiệu quả mặc dù có phương pháp sư phạm rất tốt. Thầy cô nói tiếng Anh nhiều nhưng không đúng lúc, không phù hợp hoàn cảnh giao tiếp, đặc điểm học sinh dẫn đến học sinh không hiểu, không biết tương tác.

- Đã có phân trong chương trình bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho giáo viên tiểu học theo Đề án 2020 về “**Tiếng Anh lớp học**” nhưng chưa thực sự đi sâu cụ thể.

- Chưa có các biện pháp hiệu quả để giúp học sinh ghi nhớ và rèn luyện “**Tiếng Anh lớp học**”.

3.2.2. Về học sinh

- Học sinh thích sử dụng tiếng Việt để giao tiếp với bạn bè và giáo viên cho nhanh vì đó cũng là người Việt.

- Học sinh không có môi trường và mục tiêu thực tế để thực hành tiếng Anh. Khi về gia đình, ra ngoài xã hội, các em cũng không biết vận dụng những ngôn ngữ cô dạy trong sách giáo khoa để giao tiếp với ai, làm gì.

- Học sinh thường gặp khó khăn khi gặp các ngôn ngữ mục tiêu không có ý nghĩa trong tiếng mẹ đẻ của họ. (Có những từ tiếng Anh không dịch ra nghĩa gì trong tiếng Việt khi giao tiếp). Ví dụ : Uhm, well, wow...

- Học sinh chưa có ý thức và biện pháp ghi nhớ, rèn luyện “**Tiếng Anh lớp học**”.

- Nhiều học sinh chưa có cơ hội được học tiếng Anh trực tiếp với giáo viên nước ngoài. Thực tế nhiều trường trong thành phố đã thực hiện chương trình “*Học tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài*” và kỹ năng, phản xạ nói

tiếng Anh của học sinh tiến bộ rõ rệt.

4. Biện pháp nâng cao năng lực sử dụng “*Tiếng Anh lớp học*” ở bậc tiểu học

Thế kỉ XXI lấy năng lực làm mục tiêu. Vậy trong sáng kiến này, tôi xin đưa ra các biện pháp để nâng cao năng lực sử dụng “*Tiếng Anh lớp học*” cho cả giáo viên và học sinh.

4.1. Giáo viên chủ động bồi dưỡng kiến thức nhất định về “*Tiếng Anh lớp học*”

Giáo viên cần được bồi dưỡng, đào tạo bài bản, chuyên sâu về kiến thức về vai trò của “*Tiếng Anh lớp học*” qua các khóa bồi dưỡng chung của “*Đề án 2020*” và các chương trình tập huấn chuyên sâu về “*Tiếng Anh lớp học*”. Cụ thể, giáo viên cần tham gia “*Chương trình Ngôn ngữ sư phạm tiếng Anh*”. Đây là một chương trình online ([http](http://myelt.heinle.com/ilrn/) //myelt.heinle.com/ilrn/) gồm 6 phần với tổng số 44 đơn vị bài học. Đây là một khóa học thực hành năng lực ngôn ngữ tương đối đơn giản tương đương cấp độ A2 theo khung tham chiếu châu Âu.

Học sinh không được tiếp xúc với “*Tiếng Anh nói*” ở nhà nên giáo viên là hình mẫu chính về ngôn ngữ tiếng Anh. Học sinh nghe giọng gì, phát âm thế nào, dùng ngôn từ gì thì sản xuất ra đúng ngôn ngữ đó. Phát âm chuẩn thì người nghe mới hiểu mình nói gì. Vì vậy, ngay từ đầu, giáo viên phải chuẩn về phát âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ điệu tốt, nhịp điệu tự nhiên, tự tin.

Nội dung các ngôn ngữ trong lớp học bằng tiếng Anh phải dựa trên đặc điểm nhận thức, tâm lý, môi trường sống, điều kiện kinh tế, văn hóa, trình độ, vai giao tiếp của học sinh. Đó phải là những ngôn từ hữu ích, có tần số sử dụng cao trong thực tế đối với học sinh tiểu học.

Theo Harmer (2007, tr.38) [3], song song với thời lượng nói tiếng Anh, giáo viên còn phải quan tâm đến chất lượng nói. Theo ông, “*Chúng ta không nên chỉ nói đến sự cân đối giữa thời lượng giáo viên nói và thời lượng học sinh nói, mà còn phải quan tâm đến chất lượng của những gì giáo viên nói nữa. Nói cách khác, nếu giáo viên chỉ nói và nói, sử dụng ngôn ngữ không*

thật sự hữu ích và thích hợp, thì giáo viên chưa thật sự đem lại cho học sinh loại ngôn ngữ học sinh cần. Trong khi đó, nếu giáo viên cuốn hút học sinh vào những câu chuyện, vào những cuộc trao đổi, sử dụng ngôn từ thích hợp mà học sinh có thể hiểu được, điều đó có nghĩa giáo viên đang giúp học sinh hiểu và đắc thụ ngôn ngữ.”

4.2. Giáo viên nắm vững phương pháp, kỹ năng sử dụng “Tiếng Anh lớp học”

4.2.1. Giáo viên cần tuân thủ các quy trình khi sử dụng “Tiếng Anh lớp học”

- Xây dựng tình huống rõ ràng trước khi vào giao tiếp.

Các em cần phải hiểu mình sẽ giao tiếp về vấn đề gì, để làm gì, với ai. Khi các em đã rõ giáo viên sẽ tương tác với mình trong tình huống gì, các câu tiếng Anh sẽ dễ đoán và hiểu hơn.

*Ví dụ : Giáo viên giải thích: Hôm nay cô gặp lớp mình lần đầu. Cô muốn chúng ta chào hỏi, giới thiệu tên với nhau. Sau đó giáo viên làm mẫu : Hello. I’m Miss Hien. Học sinh sẽ hiểu những câu tiếng Anh cô nói là để chào hỏi, giới thiệu tên dù chưa biết “**Hello, I’m Miss Hien**” dịch sang tiếng Việt là gì.*

Hoặc, khi yêu cầu cả lớp cùng làm gì, lần 1 cô giáo nói “The whole class”, lần 2 cô nói “Everybody”. Dù hai cách phát ngôn khác nhau nhưng trong cùng tình huống nên học sinh vẫn hiểu chúng có cùng một chức năng

- Nói chậm, rõ ràng, kèm động tác làm mẫu, cử chỉ, thái độ, hình ảnh trực quan minh họa ngay từ đầu. Nói chậm và rõ ràng là một trong những chiến lược đơn giản, cần nhiều thời gian và sự kiên trì nhưng hiệu quả nhất mà giáo viên có thể sử dụng để giúp học sinh học tiếng Anh thành công ngay từ đầu.

Căn cứ vào mức độ tiếp thu ngôn ngữ từng độ tuổi, giáo viên cần điều chỉnh tốc độ nói vì học sinh tiểu học cần thời gian để xử lý và thông hiểu. Khi học sinh xác nhận đã nắm được cô muốn nói gì, giáo viên mới chuyển sang ngữ giao tiếp tiếp theo.

+ Bắt đầu bằng các lệnh ngắn , đơn giản, chỉ có một từ như “ *Listen*”, các động từ quen thuộc : *look, listen* ,..Các sự vật nhìn thấy ngay trong lớp.

+ Nói theo khối : nếu cần diễn đạt một nội dung dài, phức tạp, có nhiều ngữ Tiếng Anh , hãy nói theo từng cụm có nghĩa, có khoảng dừng ở giữa các cụm thay vì một câu dài liền mạch.

+ Khi học sinh đã quen hơn với việc nghe tiếng Anh trong lớp, giáo viên cũng tăng dần lượng từ vào lời nói của mình, điều chỉnh mật độ từ giãn cách hay liên tục , tốc độ nhanh hay chậm phù hợp với mức độ tương tác của học sinh.

Ví dụ :

Với học sinh lớp 1,2 , giáo viên dùng các lệnh có từ 1 đến 4 từ : *Listen, Point to the picture, Show me your finger,...*Câu hỏi yêu cầu trả lời ngắn : *Yes or No*

Với học sinh lớp 3,4 , giáo viên dùng các lệnh kết hợp : *Open your book, look at the picture and answer my questions*. Giáo viên cũng dùng các câu hỏi yêu cầu trả lời bằng nhiều từ có thông tin cụ thể : *Who ? What ? Where ? When ?*

Với học sinh lớp 5, giáo viên dùng lời hướng dẫn, mô tả đầy đủ ngữ pháp , câu dài , câu hỏi yêu cầu trả lời mang tính giải thích, tranh luận : *How do you know it ? Why do you like it ? Tell me about you , ...*

4.2.2. Giáo viên cần đơn giản hóa và đa dạng hóa “Tiếng Anh lớp học”

Giáo viên cần dùng ngôn ngữ đơn giản, chỉ nói thông tin cần thiết bằng các từ khoá, bỏ đi những từ ngữ “lông to” không cần thiết, đồng thời sử dụng thường xuyên, đa dạng, lặp đi lặp lại các ngữ tiếng Anh giao tiếp trong một tiết học và trong các tiết học khác nhau ở mức độ nhiều nhất có thể. Điều đó làm giảm số lượng ngôn ngữ theo tiếng mẹ đẻ mà học sinh phải sử dụng để giao tiếp trong lớp và tăng số lượng ngôn ngữ mục tiêu mà họ đang sử dụng. Nó làm cho môi trường ngôn ngữ lớp học thực tế hơn.

Ví dụ : Để yêu cầu học sinh trật tự, hôm nay cô nói “ *Don’t talk, please*”. Tiết học sau cô có thể dùng lệnh “*Be quiet, please*”. Hai lệnh trên

được lặp lại trong cùng một tiết học và qua các tiết khác nhau sẽ giúp học sinh biết có hai cách để yêu cầu người khác giữ trật tự .

4.2.3. Giáo viên không phải tích hợp “Tiếng Anh lớp học” thành một bài học.

Ngôn ngữ lớp học nảy sinh theo từng tình huống, mục tiêu giao tiếp cụ thể nên giáo viên không thể gom vào một bài , một chủ điểm, nội dung để dạy hết trong một số tiết học. Không có một bài học cụ thể nào về “**Tiếng Anh lớp học**” trong chương trình sách giáo khoa tiếng Anh tiểu học. Các phát ngôn này cần được dạy như những ngữ cố định , chứ không phân tích ra thành những từ, thành phần.

Ví dụ 1: *Giữa tiết học, học sinh muốn xin phép cô ra ngoài uống nước. Lúc này, thầy cô nhắc : Em phải nói “ **May I have a drink ?** ”. Giáo viên cho cả lớp và học sinh đó nhắc lại nhiều lần ngay lúc đó. Vậy qua một tình huống nảy sinh bất chợt, giáo viên cung cấp cho học sinh một ngữ Tiếng Anh lớp học nhanh chóng, thực tế. Giáo viên cũng không cần tách từng từ ra để giải thích nghĩa mà các em vẫn hiểu nói ngữ này để làm gì.*

4.2.4. Giáo viên cần sử dụng “Tiếng Anh lớp học” đúng chức năng

Theo mô hình 3 hợp phần của khóa học “ **English for teaching**” (Tiếng Anh trong giảng dạy) của tổ chức Cengage Learning và Viện khảo thí giáo dục Hoa kỳ (ETS) , “**Tiếng Anh lớp học**” có thể được chia thành 3 nhóm với 3 chức năng chính :

Nhóm 1: Tiếng Anh để quản lí lớp học.

Nhóm 2: Tiếng Anh để hiểu và truyền tải nội dung của buổi học.

Nhóm 3: Tiếng Anh để đưa ra phản hồi cho người học.

Với cách phân chia tương tự, cuốn giáo trình **Practical Classroom English** [8] của Hughes, G.J Moate, và T Raatikainen (2007) đã chi tiết hóa 3 nhóm chức năng nói trên thành các chức năng cụ thể như sau :

English for teaching	Practical classroom English
1. Quản lí lớp học	1.1 Quản lí môi trường, vật chất lớp học 1.2 Quản lí môi trường học tập

2. Hiểu và truyền tải nội dung của bài học	2.1 Tiến hành các giai đoạn của buổi học 2.2 Đưa ra chỉ dẫn, mệnh lệnh, giới thiệu, giải thích.
3. Đánh giá và đưa ra ý kiến phản hồi	3.1 Đưa ra phản hồi nói cho người học 3.2 Đưa ra phản hồi viết cho người học

Các ngữ tiếng Anh cụ thể cho từng chức năng các thầy cô tham khảo tại phụ lục của sáng kiến này.

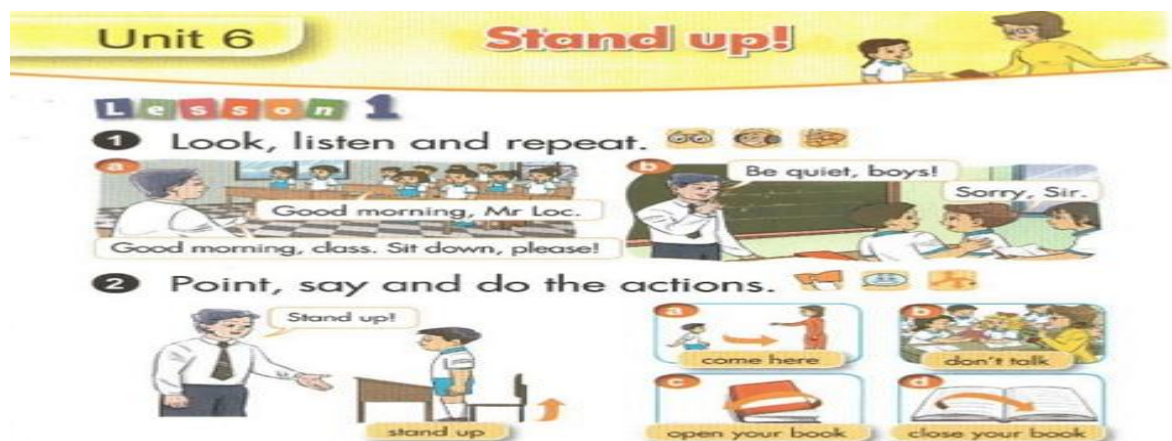
4.2.5. Đối với tình huống dạy và học online

Trong dạy học trực tiếp, học sinh nhiều khi không được học với máy chiếu, loa đài, bảng tương tác, thẻ tranh, thẻ từ, áp phích. Khi đó, “*body language*” (ngôn ngữ cơ thể) là cách hỗ trợ đắc lực cho giáo viên trong việc minh họa lời nói bằng tiếng Anh.

Trong dạy học online như hiện nay, học sinh tương tác với giáo viên qua lời nói và màn hình thiết bị học trực tuyến. Việc dùng các phương tiện trên để hỗ trợ “*Tiếng Anh lớp học*” bị hạn chế.

Nếu chỉ dùng lời nói và văn bản sẽ không làm tăng hứng thú cho học sinh. Trong khi, cả giáo viên và học sinh đều có thiết bị kết nối mạng như máy tính, ipad, điện thoại thông minh. Đây chính là điều kiện thuận lợi để giáo viên tăng cường sử dụng ví dụ minh họa bằng hình ảnh, âm thanh, video sinh động liên tục, thực tế đi kèm theo bất kì lời nói nào, trò chơi tương tác bằng tiếng Anh nói hàng ngày. Đây là điều mà học trực tiếp không phải lúc nào cũng có được.

Ví dụ: Dạy “*Unit 6 : Stand up! Lesson 1*” trong Tiếng Anh lớp 3:



Khi dạy trực tiếp, giáo viên làm động tác “*Đứng lên, ngồi xuống, mở sách, đóng sách*” hoặc dùng thẻ tranh để giới thiệu các lệnh “*Stand up, sit down, open your book, close your book*”. Khi dạy online, học sinh khó nhìn thấy rõ ràng động tác của giáo viên. Song, giáo viên thay bằng các hình ảnh trên powerpoint, video có hình động, kết hợp nghe. Màn hình như một tấm bảng nhưng được hiệu ứng nhanh, sinh động mà không cần máy chiếu, bảng tương tác, hệ thống loa đài rườm rà.

4.3. Sử dụng tiếng Việt trong dạy tiếng Anh một cách phù hợp

Nếu dùng tiếng Anh để dạy tiếng Anh thì có cần dùng tiếng mẹ đẻ trong dạy tiếng Anh nữa không vẫn là một câu hỏi lớn gây nhiều tranh cãi.

Thực tế hiện nay, tôi thấy học sinh có thói quen hiểu những gì cô nói khi chúng được dịch ra tiếng Việt.

Ví dụ 1 : Thông thường, để dạy từ “pen”, giáo viên nói “Một cái bút chì trong tiếng Anh là “A pencil”.

Nhưng hiện nay, cách dạy này đã dần được thay thế bởi phương pháp tiếp cận trực tiếp . Đó là gắn từ vựng, câu với một hình ảnh trực quan, các tình huống cụ thể để học sinh tự tư duy, hình thành khái niệm đi kèm ngôn ngữ đích.

Ví dụ: Giáo viên giơ một cái bút mực lên, nói : “Look, listen and repeat: “A pen” . Học sinh nhắc lại “A pen” và tự hình thành khái niệm “cái bút mực” theo đồ vật cô giáo đưa ra. Giáo viên không cần dịch sang tiếng Việt.

Ví dụ 2: Để dạy học sinh lệnh “ Open your book, please !”, thay vì nói “ Hãy mở sách của em ra” trong tiếng Anh là “ Open your book, please !”, giáo viên cầm 1 quyển sách, vừa nói lệnh tiếng Anh, vừa làm động tác mở sách vài lần. Như vậy, học sinh nói và làm theo mà không cần dịch sang tiếng Việt.

Cách thức này mất thời gian hơn, cần sự kiên nhẫn hơn nhưng hiệu quả rất lớn, đặc biệt trong giao tiếp bằng tiếng Anh. Nhiều từ thậm chí không thể dịch ra tiếng Việt như “ Wow, Yeah, Uhm,....”

Vậy giáo viên nên cố gắng hạn chế dùng tiếng Việt trong dạy tiếng Anh. Thầy cô nên tích cực dùng tối đa các cách đã nêu trong phần chiến lược của sáng kiến này để minh họa, giải thích cho những ngữ tiếng Anh được nói trong lớp học.

Tuy nhiên, không phải ngữ tiếng Anh nào cũng dùng hình ảnh trực quan hay chính tiếng Anh để giải thích được. Đó là những khái niệm trừu tượng, lời hướng dẫn, giải thích một quy trình phức tạp.

Ví dụ 1 :

Để dạy từ “clever” (thông minh) trong Unit 8: What are you reading? Lesson 2, tiếng Anh lớp 5, giáo viên có thể giải thích “ Chú cáo nghĩ ra cách lấy miếng thịt . Các em thấy chú cáo như thế nào ?” Khi chốt lại từ “ thông minh”, giáo viên giới thiệu “clever”. Toàn bộ quá trình này đều nói tiếng Việt đến khi giới thiệu được từ “clever”.

Ví dụ 2:

Khi lần đầu giải thích cách chơi trò “Slap the board” , giáo viên nói tiếng Anh kèm động tác làm mẫu nhưng sau cùng vẫn phải yêu cầu học sinh nói lại bằng tiếng Việt để đảm bảo các em đã nắm rõ. Và nếu chưa rõ, giáo viên phải giải thích lại bằng tiếng Việt.

Như vậy, dịch nghĩa một từ, một câu tiếng Anh ra tiếng Việt tương ứng chỉ nên là công đoạn cuối cùng khi các cách minh họa đã nêu trên không hiệu quả và cần đảm bảo sự rõ ràng, chính xác, không sai sót trong việc hình thành khái niệm của học sinh mà thôi.

4.4 .Giáo viên cần kiên định, kiên trì và kiên nhẫn

Ngay những ngày đầu tiên, giáo viên cần kiên định trong sử dụng tiếng Anh trong lớp. Giáo viên cần thiết lập cho học sinh một tâm thế luôn phải giao tiếp với cô bằng tiếng Anh, hiểu tiếng Anh qua chính tiếng Anh chứ không phải bằng tiếng Việt.

Ban đầu, học sinh có thể chưa hiểu thầy cô muốn nói gì. Đừng dịch nó sang tiếng Việt ngay. Lặp lại nhiều lần. Cho các em thời gian để tìm hiểu, suy đoán những gì thầy cô đang nói.

Giáo viên phải kiên trì, vui vẻ minh họa lời nói bằng các hình ảnh trực quan, tình huống, ví dụ minh họa. Đặc biệt, thầy cô luôn kèm theo “*body language*” hay còn gọi là ngôn ngữ cơ thể, một dạng phi ngôn ngữ. Đó là hành động, cử chỉ, bàn tay, điệu bộ, ánh mắt, giọng điệu, thái độ. Trong tác dụng giao tiếp, cử chỉ, động tác, điệu bộ chiếm 55%, tiếp theo là giọng điệu, thái độ. Ánh mắt và bàn tay chiếm 38 %. Còn lại ngôn ngữ chỉ chiếm 7%.

Ví dụ : Khi yêu cầu học sinh trật tự , giáo viên nói lần đầu “Be quiet, please!” , học sinh chưa hiểu ngay nên giáo viên cần đưa một ngón tay chặn trước miệng, ánh mắt nghiêm nghị , nói lại nhiều lần lệnh đó. Lúc này học sinh sẽ hiểu cô yêu cầu mình làm gì.

Khi gọi học sinh trả lời như “Trang, please!” hay “You, please!” , giáo viên đưa bàn tay về phía học sinh, nhìn vào em đó để học sinh biết cô gọi mình.

Ánh mắt của giáo viên có vai trò đặc biệt trong giao tiếp với học sinh. Đó là phương tiện truyền tải cả mong muốn, tình cảm, sự quan tâm , khích lệ với học sinh. Khi đưa ra bất kì yêu cầu gì với học sinh, giáo viên cần đưa ánh mắt vui tươi , trìu mến nhưng cũng nghiêm túc tới cả lớp, nhất là các em ngồi xa để các em cảm nhận được sự quan tâm của cô với mình. Lúc đó, các em dễ bị cuốn vào lời nói của cô hơn. Giáo viên phải hỗ trợ bằng các cách cho đến khi học sinh có phản hồi thì mới đạt được mục tiêu giao tiếp qua “ *Tiếng Anh lớp học*”.

4.5. Giáo viên cần khuyến khích, thể hiện sự trợ giúp, tạo điều kiện và có những phản hồi tích cực, khen ngợi kịp thời, chấp nhận sai lầm của học sinh một cách ân cần

Tiếng Anh lớp học là một dạng ngôn ngữ tự phát nên không tránh được việc học sinh thường xuyên mắc lỗi về phát âm, từ vựng, ngữ pháp. Các em muốn thể hiện một nhu cầu nào đó và tự bật ra bằng tiếng Anh, nhưng chưa nói được hoàn thiện nên còn thiếu hụt, thêm bớt, lộn xộn. Lúc đó, giáo viên cần bình tĩnh, ân cần, lắng nghe, tìm hiểu ý và giúp học sinh diễn đạt ý muốn đó. Sau đó, các em sẽ thấy tự tin, thoải mái hơn khi muốn nói tiếng Anh.

Tích cực khen ngợi, có quà khuyến khích như sticker, tương tác kịp thời khi học sinh có bất kì ngôn ngữ tự phát nào bằng tiếng Anh trong lớp.

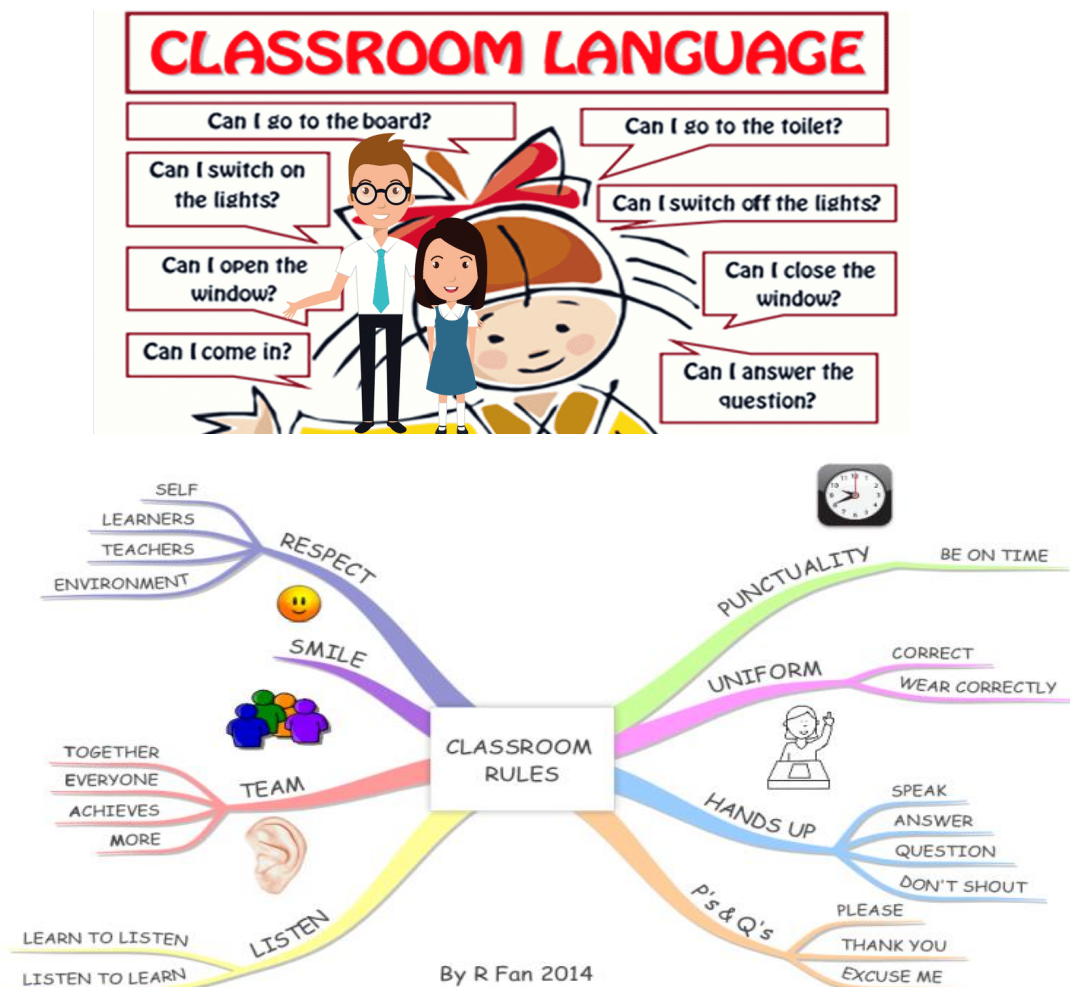
Ngược lại, nếu giáo viên nhanh chóng tuýt còi ngang chừng, sửa lỗi ngay khi các em mắc một lỗi nhỏ nào đó khi các em đang hứng thú dùng tiếng Anh để diễn đạt ý muốn riêng của bản thân sẽ tạo tâm lý sợ hãi, thiếu tự tin cho các em, dẫn đến lần sau các em không muốn nói gì bằng tiếng Anh nữa.

4.6. Giáo viên phải hướng dẫn cho học sinh cách học “*Tiếng Anh lớp học*”

4.6.1. Tạo không gian “*Tiếng Anh lớp học*”

Học sinh có thể tạo “*Từ điển tiếng Anh lớp học*” bằng tranh ảnh minh họa, áp phích, vật phẩm hữu hình, bản đồ mindmap trang trí xung quanh lớp học, góc học tập tại nhà nhằm tạo ra không gian “*Tiếng Anh lớp học*” tràn ngập tự nhiên. Việc hoạt động trong một không gian tràn ngập ngôn ngữ đích chính là cho các em được “*tắm tiếng Anh*” mỗi ngày.

Ví dụ:



4.6.2. Tham gia hoạt động, nhiệm vụ ngoài sách giáo khoa

Nhiều học sinh cho rằng: học thuộc những gì có trong sách giáo khoa là đạt mục tiêu bài học. Tuy nhiên, các em cần môi trường thực tế để thực hành tiếng Anh. Các hoạt động trải nghiệm chính là cơ hội để các em thực hiện điều đó. Đó là các trò chơi câu lạc bộ, festival, giao lưu kịch, văn nghệ, hội thi Trạng Nhí, Rung chuông vàng mà học sinh muốn đạt kết quả tốt phải biết tương tác với thầy cô và bạn bè bằng tiếng Anh. Đó là sân chơi khuyến khích học sinh sử dụng tiếng Anh giao tiếp một cách sáng tạo, linh hoạt, không căng thẳng, áp lực.

Ví dụ: *Trong cuộc sống thực tế, các em sẽ có lúc cần chỉ đường cho ai đó. Vậy học sinh có thể tham gia trò chơi “Chỉ đường”: Giáo viên tạo một sơ đồ đường đi, đặt các vỏ lon tại các chốt. Một học sinh bịt mắt và đi vào sơ đồ theo chỉ dẫn bằng tiếng Anh của một học sinh khác trong đội. Đi đúng sẽ đến đích. Đi sai sẽ va vào lon.*

4.6.3. Thực hiện quy định về bắt buộc dùng “Tiếng Anh lớp học”

Các tình huống quy định học sinh bắt buộc dùng “*Tiếng Anh lớp học*” thường là: chào hỏi, đưa ra đề nghị, yêu cầu, xin phép, ý kiến phản hồi.

Ví dụ: *Học sinh muốn ra ngoài bắt buộc phải xin phép cô: “May I go out, please?”*

5. Kết quả đạt được

Sau một thời gian ứng dụng vào giảng dạy cho học sinh lớp 5 tại trường (Năm học 2020-2021), tôi nhận thấy được những kết quả khả quan.

Với mẫu phiếu và cách khảo sát trước đây, tôi đã khảo sát 70 học sinh. Trong đó, 35 học sinh lớp 5A tích cực dùng “*Tiếng Anh lớp học*” trong các giờ trên lớp. So với 35 học sinh của lớp 5B mà tôi dùng nhiều tiếng Việt để tương tác hơn, kết quả có sự khác biệt cụ thể như sau:

Lớp 5A	Lớp 5B
- Số dấu ✓ chiếm 90 % tổng số câu đưa ra	- Số dấu ✓ chiếm 50 % tổng số câu đưa ra

- Số X chiếm 70% tổng số câu đưa ra	- Số X chiếm 30% tổng số câu đưa ra
--	--

Số liệu trên thể hiện: khi giáo viên tích cực dùng “**Tiếng Anh lớp học**” trong các giờ học tiếng Anh thì học sinh cũng tích cực dùng tiếng Anh để tương tác với cô và bạn bè. Ngoài ra, qua quan sát, tôi thấy :

- Học sinh có học lực ở nhiều mức khác nhau nhưng trong giờ tiếng Anh, các em đều có tâm lý thoải mái, tự tin, mạnh dạn, không sợ sai. Các em không cảm thấy nặng nề, bắt buộc như một bài tập phải học thuộc.

- Các em đã hình thành thói quen tương tác bằng tiếng Anh ngay cả khi giáo viên hỏi bằng tiếng Việt

- Ngữ điệu, giọng nói, phát âm mang nặng tính địa phương đã giảm dần, thay vào đó là ngữ điệu chuẩn chung, không phân biệt vùng miền.

- Học sinh có vốn kiến thức về tiếng Anh rộng hơn so với nội dung có trong sách giáo khoa.

- Học sinh phản xạ nhanh hơn vì không trải qua giai đoạn “*dịch sang tiếng Việt*”.

Tuy mới áp dụng được một năm học, tôi nhận thấy sáng kiến này có tính hiệu quả thực sự, khắc phục được hạn chế cơ bản trong dạy tiếng Anh giao tiếp ở bậc tiểu học, cải thiện rõ rệt khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh của học sinh tiểu học.

6. Điều kiện để sáng kiến được nhân rộng

- **Về nhân lực:** Giáo viên tiếng Anh tiểu học có trình độ chuẩn, được tham gia các buổi tập huấn để tiếp cận những điểm mới của sáng kiến, có cá nhân dạy mẫu minh họa các biện pháp trong sáng kiến. Học sinh có khả năng ngôn ngữ bình thường.

- **Về trang thiết bị, kỹ thuật:** Trong điều kiện hiện nay, tập huấn online có thể mang sáng kiến đến tất cả thầy cô có mạng, có thiết bị học trực tuyến. Tiết dạy mẫu được ghi và có thể lưu lại, chia sẻ với bất kì thầy cô ở

đâu qua email, zalo, zoom,

Sáng kiến được vận dụng hiệu quả hơn khi thầy cô chuẩn bị tốt giáo cụ trực quan như tranh, thẻ từ, máy chiếu, bảng tương tác, video, loa.

- ***Thời gian nghiên cứu:*** Cần dài hơn và nghiên cứu trong nhiều năm, trên từng độ tuổi, sau mỗi năm học có đánh giá, rút kinh nghiệm cho năm học sau.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Như vậy, sau một thời gian nghiên cứu thực trạng, dựa theo các công văn, quyết định của Bộ giáo dục về triển khai “Đề án 2020” , tham khảo tài liệu của các chuyên gia ngôn ngữ nước ngoài, đưa ra ý tưởng và thực hành trên học sinh mình dạy, tôi đã thực hiện xong sáng kiến “*Nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh lớp học ở bậc tiểu học*”. Với kết quả thu được qua khảo sát học sinh mình phụ trách, tôi nhận thấy: việc áp dụng các biện pháp trong sáng kiến là hoàn toàn khả thi, không yêu cầu đầu tư nhiều về máy móc, kinh phí, sự hỗ trợ nhân lực. Giáo viên có thể hoàn toàn tự bồi dưỡng. Học sinh có thể thực hành bất cứ lúc nào khi ở lớp cũng như ngoài môi trường lớp học.

Muốn đạt hiệu quả khi sử dụng “*Tiếng Anh lớp học*” ở bậc tiểu học, giáo viên cần :

- Tự học, bồi dưỡng qua các khóa học chuyên sâu về ngôn ngữ lớp học.
- Kiên trì vận dụng các phương pháp, kỹ năng được nêu trong sáng kiến.

2. Khuyến nghị

Tôi xin có một số khuyến nghị với các cấp sau :

- Tổ chức thường xuyên các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên tiếng Anh tiểu học, trong đó có “ *Chương trình ngôn ngữ sư phạm tiếng Anh* ” với các chuyên gia bản ngữ.
- Tổ chức các tiết dạy mẫu, họp chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm giữa giáo viên tiếng Anh theo cụm trường, huyện/ thành phố
- Tổ chức nhiều hơn các cuộc giao lưu tiếng Anh: festival, Trạng Nhí Tiếng Anh, Câu lạc bộ ,....., các hoạt động trải nghiệm có yếu tố người nước ngoài để giáo viên và học sinh có cơ hội tương tác bằng tiếng Anh trong thực tế.

Thực hiện sáng kiến này, tôi mong muốn quý thầy cô giáo cùng tham khảo và góp ý xây dựng để tìm ra nhiều giải pháp tối ưu hơn để nâng cao

năng lực sử dụng “ *Tiếng Anh lớp học*” .

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định 1400/ QĐ-BGDĐT về việc phê duyệt Đề án «Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020 ».
2. Halliwell, S. (1992), *Teaching English in the primary school* : Longman Group UK Limited
3. Harmer.J. (2007), *How to teach English* : England. Pearson Education Limited.
4. Hughes, G.S. (1981), *A handbook of classroom English* : Oxford. Oxford University Press.
5. Scott, W.A and Ytreberg, L.H. (1993) , *Teaching English to children*, New York : Longman
6. Slattery, M and Willis, J. (2001), *English for primary teachers- A handbook of activities and classroom language.OUP.*
7. Willis, J. (1983), *Teaching English through English – A course in classroom language and techniques*. England : Longman Group Ltd.
8. Hughes, G. , J. Moate, and T. Raatikainen (2007), *Practical classroom English* , Oxford University Press.

PHỤ LỤC

1. Các ngữ tiếng Anh lớp học chia theo chức năng

1.1. Giáo viên

1.1.1. Quản lí lớp học

1.1. 1.1. Quản lý môi trường vật chất lớp học

Don't make a mess.

Clean up regularly.

Don't throw your rubbish.

Don't touch the light.

Don't stand on the chair/ desk Lock the door.

Turn off the light / fan

Turn on the light/ fan

Don't eat in class.

1.1. 1.2. Quản lý môi trường học tập

Listen, please !

Be quiet, please!

Keep silent, please !

Don't talk, please !

Look at the board, please!

Look at your book, please!

Listen carefully, please.

Don't eat in class!

Close your book, please.

Put your hand down, please !

One at a time, please !

Get to work, please!

Stop talking, please !

Take turn, please !

Pay attention, please !

Raise your hand, please

Stand up, please !

Sit down, please !

Come to the board, please !

Don't open your book.

Hand up, please!

Yes, you can . No, you can't.

1.1. 1.3. Hiểu và truyền tải nội dung bài học

* Bắt đầu tiết học

Good morning , Class / boys

and girls

Good afternoon everyone / How are you getting on ?

everybody

How's life ?

Hello, Mai.

My name is Miss Hien

I'm Miss Hien

Nice to see you again

Nice to see you again too.

How are you today ?

Are you ready to start ?

*** Học bài mới**

We will learn about...

Open your book at page.....

Look and answer.

Listen and point to the words.

Are you sure ?

Read and number

Read and complete

Look and write

Read and circle

Listen and complete.

Take note, please.

Write it down, please.

*Let's ____ Work in pairs,
please.*

Work in groups , please.

Take turn, please.

Stop working, please.

First, ___/ Then, ___/

Next, ___/ Last

*** Kết thúc giờ học**

We stop here.

Time is up.

How are things with you ?

Are you Ok today ?

Are you feeling better today ?

Let's review

Who is absent today ?

We can start now.

Tell me about _____

Close your book , please!

Look at me, please.

Look at the board, , please.

Look at your book, please.

Speak aloud , please.

Again.

One more time, please.

Come here, please.

Come in ,please

Take out you book, please!

Put your pen / pencil down, please!

Put your book away, please!

Take out your homework, please !

Hand in your paper, please !

Put your homework on my desk, please!

Pass your papers to me , please !

The whole class.

Come to the front of the class.

Discuss in pairs.

You can go now

See you next time.

Let's have a break.

Have a good time. Goodbye, class

Have a break time.

Goodbye, boys and girls.

We finish here.

See you again tomorrow./ See you later.

1.1. 1.4. Kiểm tra độ hiểu, đưa ra đánh giá, phản hồi.

*** Kiểm tra mức độ hiểu**

Is that clear ?

Are there any questions ?

Are you clear ?

Do you have any questions?

Is everything clear?

Yes or No ?

Do you understand ?

True or False ?

Are you ready ?

Right or wrong?

***Đánh giá, phản hồi**

Don't give up.

Sorry. I can't.

You can do it.

Sorry

Just do your best.

Good/ Very good / OK

Don't worry. Take your time.

Welldone / Excellent/ Thank you .

Don't worry. I'll help you.

Good job

You can do it again.

Good boy.

One clap for you.

Keep trying.

One point for you.

Great .

Congratulation.

Keep going.

You are the winner.

Super star.

Sorry. Try again next time.

Good idea.

Try your best, please!

Not OK.

Thank you very much.

1.2. Học sinh.

1.2.1 Xin phép

May I come in?

May I look at my book?

May I go out ?

May I open the door ?

May I sit down?

May I close the door ?

May I open my book ?

May I ask a question ?

May I put my book away ?

May I speak ?

May I have a drink ?

May I borrow your pen ?

1.2.2. Đưa ra đề nghị, yêu cầu với bạn

Can you lend me your pen ?

Can I have your name ?

Can you pass me the ruler ?

Can I borrow your pencil ?

Can you help me ?

May I see your book ?

Can you speak loudly ?

Let's play.

Can you repeat ?

Let's talk about

2. Giáo án minh họa

Sau đây tôi xin minh họa một số đoạn giao tiếp trong một hoạt động trong lớp học tiếng Anh mà trong đó, giáo viên và học sinh sử dụng “*Tiếng Anh lớp học*” để thực hiện hoạt động dạy và học tiếng Anh .

Tiếng Anh lớp 5 tập 2

Unit 11: What's the matter with you ? Lesson 1

Activity 2: Point and say. (Trang 6)

2 Point and say.

What's the matter with you?

I have _____.



a toothache



an earache



a sore throat



a stomach ache

1. Mục tiêu: Học sinh nhận biết và thực hành mẫu câu hỏi đáp về vấn đề sức khỏe thông thường.

2. Nội dung kiến thức

Từ vựng : headache, earache, sore throat, backache

Mẫu câu: What's the matter with you ? I have + health problem.

3. Đồ dùng


Bảng tương tác, máy chiếu, loa, sách giáo khoa.

4. Hình thức hoạt động

Đồng thanh, nhóm, cá nhân, nhóm đôi.

5. Tiến trình

Giáo viên	Học sinh
<p>1. Giới thiệu mẫu câu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại mẫu câu từ hoạt động 1 : <i>What's the matter with you ?</i> <i>I have a headache.</i> - Cho HS luyện đọc : <i>The whole class.</i> <i>Repeat, please.</i> - Hỏi : <i>Is " a headache " about job /colour..?</i> <i>What is it about ?</i> - Chốt : <i>Remember " a headache " is about health problem.</i> - Chỉ tranh tình huống của 2. Point and say, hỏi : + <i>Who are they ? What are they doing ?</i> + <i>What is the word for the gap about ?</i> - Chốt : <i>Remember " I have + health problem "</i> <p>2. Thực hành.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc đồng thanh-cá nhân - Cá nhân : <i>Yes/ No. It's about ...</i> Cá nhân : <i>They are Mai and Nam.</i> <i>Mai is asking Nam about.....</i> <i>It is about</i>

<p>- Làm mẫu :</p>  <p>+ Đưa tranh : a toothache</p> <p>+ Yêu cầu: <i>Look, listen and repeat: toothache – a toothache – I have a toothache.</i></p> <p>+ Gọi 1 HS trả lời : <i>You are this boy. What's the matter with you ?</i></p> <p>+ Đưa lần lượt các tranh còn lại, yêu cầu : <i>Look, listen and repeat : an earache, a sore throat, a stomach ache.</i></p> <p>- Cho HS thực hành :</p> <p>Yêu cầu :</p> <p>+ <i>Work in pairs. Point to the pictures a,b,c,d.(Chỉ vào tranh).</i></p> <p>+ <i>You ask. (Chỉ 1 HS)</i></p> <p>+ <i>You answer. (Chỉ HS bên cạnh)</i></p> <p>+ <i>Then, take turn. (Hai bàn tay đổi vị trí).</i></p> <p>Kiểm tra độ hiểu: <i>Are you clear ?</i></p> <p>+ Đặt thời gian: <i>Two minutes for you.</i></p> <p>Gọi HS :</p> <p>+ <i>Are you ready ?</i></p> <p>+ <i>Who can ? Raise your hand, please !</i></p> <p>+ <i>Come to the front of the class.</i></p> <p>+ <i>Another.</i></p> <p>Ổn định lớp :</p> <p><i>Be quiet ! Listen to your friends carefully.</i></p> <p>Yêu cầu nhận xét :</p>	<p>Nhắc lại đồng thanh</p> <p>Cá nhân: <i>I have a toothache.</i></p> <p>Nhắc lại đồng thanh, nhóm, cá nhân.</p> <p>Xác nhận nhiệm vụ : <i>Yes/ No</i></p> <p><i>Yes / No/ Ready / Finish</i></p> <p>Hoạt động theo cặp :</p> <p>HS1: <i>What's the matter with you?</i></p> <p>HS2: <i>I have _____</i></p>
--	--

<p>+ Are they right ?</p> <p>Đưa nhận xét :</p> <p><i>Good job / Try your best next time / One clap for them / Stickers for you.</i></p>	<p>- Cá nhân nhận xét : <i>Ok/ Good/ Not Ok/ Yes / No / That's right. /They're OK./</i></p>
--	---

3. Phiếu khảo sát đầu vào

Thời gian: Trong tuần 1

PHIẾU KHẢO SÁT 1

Ngày :Lớp 5:..... Trường Tiểu học :


Đánh dấu  vào ô các câu em đã nghe thấy cô nói trong giờ học tiếng Anh.

- | | |
|--|---|
| 1. Good morning every one. <input type="checkbox"/> | 16. Are you ready ? <input type="checkbox"/> |
| 2. Nice to see you again. <input type="checkbox"/> | 17. Raise your hand, please. <input type="checkbox"/> |
| 3. How are you today ? <input type="checkbox"/> | 18. Yes or No ? <input type="checkbox"/> |
| 4. Let's review. <input type="checkbox"/> | 19. Are you clear ? <input type="checkbox"/> |
| 5. Let's play a game. <input type="checkbox"/> | 20. Remember, please. <input type="checkbox"/> |
| 6. Open your book on page.. <input type="checkbox"/> | 21. Take note, please. <input type="checkbox"/> |
| 7. What can you see ? <input type="checkbox"/> | 22. Another ? <input type="checkbox"/> |
| 8. Listen and repeat. <input type="checkbox"/> | 23. The whole class, please. <input type="checkbox"/> |
| 9. Put your hand down . <input type="checkbox"/> | 24. Be quiet, please. <input type="checkbox"/> |
| 10. Louder, please. <input type="checkbox"/> | 25. Stop talking, please. <input type="checkbox"/> |

11. You, please. <input type="checkbox"/>	26. Be careful. <input type="checkbox"/>
12. Work in pairs, please. <input type="checkbox"/>	27. Next one, please. <input type="checkbox"/>
13. Then, take turn. <input type="checkbox"/>	28. Thanks a lot. <input type="checkbox"/>
14. Yes, that's right. <input type="checkbox"/>	29. Well done. <input type="checkbox"/>
15. Who knows the answer ? <input type="checkbox"/>	30. Good bye. See you again. <input type="checkbox"/>

PHIẾU KHẢO SÁT 2

Ngày :Lớp 5:..... Trường Tiểu học :

Đánh dấu  vào các ô các câu em từng nói trong giờ học tiếng Anh.

1. Good morning every one. <input type="checkbox"/>	16. Are you ready ? <input type="checkbox"/>
2. Nice to see you again. <input type="checkbox"/>	17. Raise your hand, please. <input type="checkbox"/>
3. How are you today ? <input type="checkbox"/>	18. Yes or No ? <input type="checkbox"/>
4. Let's review. <input type="checkbox"/>	19. Are you clear ? <input type="checkbox"/>
5. Let's play a game. <input type="checkbox"/>	20. Remember, please. <input type="checkbox"/>
6. Open your book on page.. <input type="checkbox"/>	21. Take note, please. <input type="checkbox"/>
7. What can you see ? <input type="checkbox"/>	22. Another ? <input type="checkbox"/>
8. Listen and repeat. <input type="checkbox"/>	23. The whole class, please. <input type="checkbox"/>
9. Put your hand down . <input type="checkbox"/>	24. Be quiet, please. <input type="checkbox"/>
10. Louder, please. <input type="checkbox"/>	25. Stop talking, please. <input type="checkbox"/>

11. You, please. <input type="checkbox"/>	26. Be careful. <input type="checkbox"/>
12. Work in pairs, please. <input type="checkbox"/>	27. Next one, please. <input type="checkbox"/>
13. Then, take turn. <input type="checkbox"/>	28. Thanks a lot. <input type="checkbox"/>
14. Yes, that's right. <input type="checkbox"/>	29. Well done. <input type="checkbox"/>
15. Who knows the answer ? <input type="checkbox"/>	30. Good bye. See you again. <input type="checkbox"/>

4. Phiếu khảo sát đầu ra

Thời gian: Trong tuần 18

(Nội dung tương tự phiếu khảo sát đầu vào)